

Số: 31 /2021/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 19 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định nội dung, mức hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 54/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về công nhận

các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt khác cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX về ban hành Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2582 /TTr- SNN ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc ban hành Quy định nội dung, mức hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung, mức hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2021. Quyết định này thay thế Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về mức hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt trong nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về mức hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt trong nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Các chương trình, dự án đã được phê duyệt trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2016 và Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T.M*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NN & PTNT, TC, KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KTN (Khoa, 56b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



QUY ĐỊNH

Về nội dung, mức hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 31 /2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ đầu tư đối với người sản xuất, sơ chế các sản phẩm nông lâm thủy sản áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (bao gồm VietGAP do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và các tiêu chuẩn GAP khác, tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho áp dụng, gọi chung là VietGAP) trong nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Sản phẩm được hỗ trợ gồm:

- Sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ban hành kèm theo Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm đặc thù của tỉnh (Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, sơ chế (Sau đây gọi là người sản xuất) các loại sản phẩm nông, lâm và thủy sản an toàn thuộc Danh mục sản phẩm được hỗ trợ tại Điều 1 Quy định này.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ đối với người sản xuất

Người sản xuất được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có sản phẩm đăng ký thực hiện áp dụng VietGAP thuộc danh mục tại Điều 1 Quy định này.
2. Đăng ký thực hiện áp dụng VietGAP theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
3. Thực hiện áp dụng VietGAP trong quá trình sản xuất, sơ chế đối với loại sản phẩm đăng ký.

4. Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm được ghi trong Giấy đăng ký áp dụng VietGAP và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tại địa điểm đăng ký áp dụng VietGAP.

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Đầu tư 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các Dự án sản xuất nông, lâm, thủy sản áp dụng VietGAP do cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Hỗ trợ 50% tổng vốn đầu tư xây dựng, cải tạo: Đường giao thông, hệ thống thủy lợi, trạm bơm, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước của vùng sản xuất theo quy hoạch sử dụng đất của địa phương để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP. Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng và các quy định pháp luật liên quan.

3. Hỗ trợ thông qua các Chương trình, Dự án về áp dụng VietGAP:

a) Hỗ trợ cho tập huấn, đào tạo

Đối tượng: Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; lao động nông thôn áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế.

Nội dung và mức chi: Áp dụng Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX về ban hành Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Hỗ trợ áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM): Nội dung và mức chi áp dụng Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IX về ban hành Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

c) Hỗ trợ cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP

Hỗ trợ người sản xuất một lần 100% kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP (Lần đầu hoặc cấp lại Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP);

4. Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại thực hiện theo quy định hiện hành được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành.

5. Người sản xuất có dự án đầu tư sản xuất, sơ chế sản phẩm áp dụng VietGAP ngoài việc được hưởng chính sách này còn được hưởng các chính sách hỗ trợ và ưu đãi khác theo quy định hiện hành của tỉnh (Nội dung hỗ trợ không được trùng với quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 của Điều này).

Điều 5. Nguồn kinh phí

Kinh phí đầu tư, hỗ trợ áp dụng VietGAP được ưu tiên sử dụng từ ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành thông qua các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai Quy định này;

b) Chủ trì, xây dựng chương trình hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt trong nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh theo giai đoạn.

c) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng và thẩm định các dự án sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản áp dụng VietGAP tại địa phương; thẩm định các chương trình, dự án hỗ trợ thực hiện VietGAP của tỉnh.

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết công tác triển khai thực hiện quy định này.

đ) Hàng năm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan phân bổ kinh phí sự nghiệp hàng năm trình cấp có thẩm quyền để thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với các Sở, ban, ngành hướng dẫn hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng các chương trình, dự án sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản áp dụng VietGAP tại địa phương.

4. Sở Công Thương

Thực hiện chính sách xúc tiến thương mại về tiêu thụ sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP theo quy định hiện hành.

5. Các Sở, ban, ngành liên quan khác

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai Quy định này.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa

a) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nội dung và định mức chi hỗ trợ để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết và thực hiện; phân công đơn vị, phòng chuyên môn chịu trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức thực hiện.

b) Chủ trì xây dựng, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm, giai đoạn, các dự án sản xuất nông nghiệp, thủy sản áp dụng VietGAP trên địa bàn.

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện của các cơ sở sản xuất được hỗ trợ kinh phí cho việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn quản lý; chỉ đạo các đơn vị được hỗ trợ sử dụng kinh phí và thanh quyết toán kinh phí theo đúng mục đích và chế độ quy định.

d) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ hàng năm (Trước ngày 15 tháng 11) để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 7. Việc sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện VietGAP, các địa phương báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, đề xuất tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**Phụ lục**

Danh mục sản phẩm đặc thù của tỉnh Đồng Nai được hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản cho phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

(Kèm theo Quyết định số **31** /2021/QĐ-UBND
ngày **19** tháng **7** năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên sản phẩm	Ghi chú
I	Sản phẩm trồng trọt	
1	Bắp	
2	Nấm ăn, nấm dược liệu	
3	Cây dược liệu	
4	Đậu	
5	Mía	
II	Sản phẩm chăn nuôi	
1	Dê	
III	Sản phẩm thủy sản	
1	Tôm càng xanh	
2	Cá lăng	
3	Cá lóc	
4	Cá rô đồng	
5	Lươn	
6	Ba ba	
7	Cá chép	
8	Cá trôi	

